

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

Số: 115/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 25 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH Quý Hưng số 27/CV-QH ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 35/CV-QH ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án “Khai thác khoáng sản đất sét làm gạch ngói và khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ làm vật liệu san lấp) tại khu vực xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế” (nay là phường Phong Thái, thành phố Huế) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7035/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Quý Hưng, địa chỉ tại phường Phong Thái, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khai thác khoáng sản đất sét làm gạch ngói và khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ làm vật liệu san lấp) tại khu vực xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế” (nay là phường Phong Thái, thành phố Huế) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên dự án: “Khai thác khoáng sản đất sét làm gạch ngói và khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ làm vật liệu san lấp) tại khu vực xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế” (nay là phường Phong Thái, thành phố Huế).

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Phong Thái, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp: 3301168019 do Sở Tài chính cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 08 tháng 01 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 3301168019.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: khai thác khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích đất của Dự án 44.120,8 m² được giới hạn bởi các điểm có tọa độ (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰):

Điểm góc	Tọa độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
M1	1.830.883,41	539.203,10
M2	1.831.076,08	539.269,07
M3	1.831.031,11	539.327,49
M4	1.831.007,84	539.378,81
M5	1.830.997,51	539.432,42
M6	1.830.906,23	539.410,75
M7	1.830.741,99	539.520,02

- Công suất:

+ Năm thứ nhất:

• Đất sét làm gạch ngói: 50.000 m³/năm (thể tự nhiên) ~ 64.150 m³/năm (thể nguyên khai).

- Khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ làm vật liệu san lấp): 50.000 m³/năm (thể tự nhiên) ~ 63.700 m³/năm (thể nguyên khai).

+ Năm thứ 2 đến năm thứ 12:

- Đất sét làm gạch ngói: 30.000 m³/năm (thể tự nhiên) ~ 38.490 m³/năm (thể nguyên khai).

- Khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ làm vật liệu san lấp): 3.640 m³/năm (thể tự nhiên) ~ 4.637 m³/năm (thể nguyên khai).

- Phương pháp khai thác: lộ thiên.

- Thời gian khai thác: 12 năm 06 tháng (kể từ ngày ký Giấy phép khai thác, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 06 tháng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi trong quá trình hoạt động khai thác quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Quý Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty TNHH Quý Hưng;
- UBND phường Phong Thái;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 115/GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước mưa chảy tràn qua moong khai thác.
- Nguồn số 02: nước thải từ quá trình xịt, rửa xe (được thu gom, xử lý và tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường).
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân (hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý, không xả thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

Tại Dự án có 01 dòng nước thải sau xử lý được xả thải ra môi trường. Nước mưa chảy tràn sau khi qua hố lắng sau đó theo mương thoát dẫn về suối cạn hướng Tây Nam khu mỏ.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương thoát nước tại hướng Tây Nam khu mỏ, phường Phong Thái, thành phố Huế.

2.2.1. Vị trí xả nước thải

Mương thoát nước tại hướng Tây Nam khu mỏ. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0): X (m): 1.825.659,00; Y (m): 539.208,93.

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $641 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: xả cưỡng bức.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ).

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, giá trị C_{max} , cột B, $Kq=0,9$, $Kf=1,0$)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	90
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp), cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2025/BTNMT, cột B)
1	pH	-	6 - 9
2	SS	mg/l	≤ 80
3	BOD ₅	mg/l	≤ 60
4	COD	mg/l	≤ 90
5	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000
6	Độ màu	Pt/Co	≤ 100

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa trong moong khai thác được thu gom bằng mương thu gom nước mưa bao quanh mỏ dọc theo hướng Tây Nam và hướng Đông Nam của khu mỏ để dẫn nước mưa chảy tràn về hồ lắng.

Sau khi kết thúc khai thác năm thứ nhất, khu vực đã khai thác có cos cao độ +9,5m thấp hơn cos cao độ hồ lắng, lúc đó moong đã khai thác được xem như hồ lắng bậc 1, nước mưa ở khu vực khai thác được thu gom bằng phương pháp tự chảy theo mương rãnh thoát nước dẫn vào moong đã khai thác, sau đó dùng bơm công suất 5kW, bơm cưỡng bức phân nước trong lên hồ lắng để lắng chất rắn lơ lửng trước khi chảy ra suối cạn hướng Tây Nam khu mỏ.

- Kết cấu: mương đất.

- Kích thước: chiều dài 500m, chiều rộng mặt mương 1,9m, độ sâu 0,4m.

b. Nước thải sinh hoạt

Chủ dự án đã bố trí nhà vệ sinh di động để công nhân sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công nhân định kỳ được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

c. Nước thải từ quá trình xịt, rửa xe

Nước thải từ trạm xịt, rửa xe tự động được thu gom bằng đường ống UPVC D125mm dài 10m, dẫn về bể lắng 03 ngăn để lắng các chất rắn lơ lửng sau đó được bơm tuần hoàn bằng máy bơm 18,5kW tái sử dụng cho trạm xịt rửa xe, không xả thải ra môi trường.

- Kích thước bể lắng 03 ngăn: 3,6m x 2m x 1,8m.
- Vị trí: cạnh trạm xịt, rửa xe tự động.
- Tọa độ địa lý của bể lắng 03 ngăn (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰): X (m): 1.830.992,97; Y(m): 539.247,18.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Dự án đã xây dựng hố lắng để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn tại khu vực.

- Thể tích hố lắng: 1.000m³ (25mx20mx2m).
- Vị trí: hố lắng nằm tại Mốc M1.
- Tọa độ địa lý của hố lắng (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰): X (m): 1.830.883,41; Y (m): 539.203,10.

1.3. Công trình thoát nước thải

- Nước mưa sau xử lý tại hố lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị C_{max}, cột B, Kq=0,9, Kf=1).
- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng mương thoát nước dài 5m ra suối cạn ở hướng Tây Nam khu mỏ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 115 /GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

1. Bố trí công nhân thu gom đất đá rơi vãi dọc tuyến đường liên thôn, đường Tỉnh lộ 9 trong vòng bán kính 500m.
2. Bố trí 01 xe bồn chở nước thường xuyên phun nước tưới ẩm giảm bụi tại khu vực mỏ phạm vi từ mỏ đến đường Tỉnh lộ 9, dọc tuyến đường liên thôn trong vòng bán kính 500m, tại tuyến đường Tỉnh lộ 9 đoạn qua khu tái định cư Nhà máy xi măng Đồng Lâm và tại khu vực khai trường, đảm bảo giảm thiểu phát sinh bụi.
3. Bố trí 01 trạm xịt, rửa xe tự động tại cổng ra vào của khu vực mỏ để làm sạch bánh xe trước khi ra khỏi khu vực khai thác, trước khi vào đường Tỉnh lộ 9.
4. Thường xuyên gia cố đoạn đường từ khu mỏ ra đến đường Tỉnh lộ 9.
5. Trong quá trình khai thác đất sét và khoáng sản kết hợp phun nước tại khu vực khai trường nhằm giảm thiểu hàm lượng bụi.
6. Rải đá cấp phối dọc tuyến đường liên thôn với chiều dài 200m.
7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi hoạt động làm phát sinh bụi và không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 115 /GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào Dự án, hoạt động khai thác.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tọa độ (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°) như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y(m)
M1	1.830.883,41	539.203,10
M2	1.831.076,08	539.269,07
M3	1.831.031,11	539.327,49
M4	1.831.007,84	539.378,81
M5	1.830.997,51	539.432,42
M6	1.830.906,23	539.410,75
M7	1.830.741,99	539.520,02

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN

27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chủ dự án đầu tư thiết bị mới, công nghệ hiện đại ít gây ồn, rung động, không sử dụng các thiết bị và dụng cụ sản xuất cũ có tiếng ồn lớn.
- Đối với máy móc, thiết bị có khả năng gây ra rung động thì dưới bộ máy đặt một lớp vật liệu cách rung.
- Với công nhân làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn, sắp xếp và tổ chức thời gian làm việc một cách hợp lý.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ.
- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn sẽ trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 115/GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Quá trình bảo dưỡng xe được thực hiện tại các gara sửa xe trên địa bàn nên không phát sinh chất thải nguy hại (CTNH).

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Công nhân không ăn uống, lưu trú tại mỏ nên không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh được thể hiện ở bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình	Mã CTRTT
1	Đất, bùn từ hố lắng	Rắn	435 tấn/lần nạo vét	12 06 13
2	Đất, bùn từ bể lắng 3 ngăn của trạm xít, rửa xe	Rắn	4,47 tấn/lần nạo vét	12 06 13

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ và phương pháp xử lý chất thải nguy hại

Tại khu vực mỏ không diễn ra công tác sửa chữa nên không phát sinh chất thải nguy hại. Do đó, tại Dự án không bố trí công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ và phương pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đất từ hoạt động nạo vét hố thu gom nước, hố lắng, bể lắng 03 ngăn định kỳ được xe múc, múc lên để ráo nước ngay tại bờ hố lắng, hố thu gom nước, bể lắng 03 ngăn nhằm gia cố và tận dụng san lấp các hố lắng, hố thu gom nước, bể lắng 03 ngăn sau khi kết thúc khai thác.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Công nhân không ăn uống, lưu trú tại mỏ nên không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Do đó, tại Dự án không bố trí công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Chủ dự án xây dựng nội quy an toàn lao động và giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội quy này và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. Trong đó, chú trọng những nội dung sau:

- Toàn bộ công nhân viên trong mỏ phải được bồi dưỡng về an toàn lao động và qua kiểm tra sát hạch trước khi làm việc theo quy phạm.
- Tuyệt đối tuân thủ quy trình, quy phạm khai thác.
- Khi làm việc, công nhân phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ, chấp hành nghiêm chỉnh những quy định an toàn nơi làm việc và những bộ phận có liên quan.
- Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy nổ những nơi cần thiết.
- Khi giao việc mỗi ca, công nhân phải ghi vào sổ phân công, phiếu giao việc cho từng công nhân, trong đó biện pháp an toàn phải ghi cụ thể và đầy đủ. Người giao và người nhận việc phải ký vào sổ hoặc phiếu giao việc.
- Khi bố trí công nhân làm việc, trực tiếp chỉ đạo sản xuất phải xem xét cụ thể tại hiện trường, nếu đảm bảo an toàn mới được bố trí công việc.
- Tính toán, lựa chọn các thông số của hệ thống khai thác tuyệt đối đảm bảo về mặt an toàn mới được đưa ra sản xuất.

2. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Xây dựng các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ.
- Trong quá trình khai thác sẽ định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.
- Tập huấn phòng chống cháy nổ cho công nhân.
- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả.
- Lắp đặt các hệ thống báo động cháy, xây dựng, bố trí sẵn các thiết bị, phương tiện chữa cháy khu vực mỏ và khu vực lân cận mỏ.

3. Các biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở đất

- Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong khai thác.
- Khi trời mưa lớn, đất bờ rời thì nguy cơ sạt lở cao, vì vậy Chủ dự án tạm ngừng khai thác để tránh những thiệt hại do sự cố này gây ra.
- Cấm biển cảnh báo nguy hiểm tại các vị trí có nguy cơ sạt lở.

- Không đào khoét, khai thác hồng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất, đá có nguy cơ bị sụp đổ.

- Công tác khai thác tuân thủ theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, không khai thác kiểu hàm ếch.

- Đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc theo đúng quy định tại quy phạm khai thác mỏ hiện hành. Sau mỗi tầng khai thác sẽ lấy mẫu phân tích tính chất cơ lý của đất đá để tính toán chiều rộng và góc dốc bờ moong hợp lý.

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Thường xuyên quan sát bờ moong khai thác bởi nước mưa chảy tràn trực tiếp tác động lên bờ moong mỏ, trường hợp không đảm bảo an toàn nước mưa thâm nhập, Chủ dự án thông báo di dời máy móc thiết bị, công nhân không vào mỏ để tránh sự cố xảy ra.

- Khi cạy gỡ đá ở trên tầng cao bố trí người gác để không cho người hoặc xe, máy móc vào trong vùng nguy hiểm.

- Thực hiện khai thác đến đâu giải phóng mặt bằng đến đó, không tiến hành giải phóng mặt bằng đồng loạt, nhằm hạn chế tối đa khả năng trượt lở, đá lăn khi có mưa.

- Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở bờ moong phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

4. Biện pháp phòng ngừa sự cố bệnh nghề nghiệp

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe khi tuyển dụng để bố trí công việc phù hợp và khám sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp để điều trị kịp thời. Quan trọng hơn nữa là giáo dục người lao động có ý thức phòng bệnh cho chính mình, không chủ quan, lơ là, ngại sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Lập hồ sơ y tế cho người lao động tại mỏ.

- Thành lập tổ cứu thương, tổ chức huấn luyện sơ cấp cứu và thành lập đội sơ cứu tại chỗ với đầy đủ các dụng cụ sơ cứu cơ bản.

- Có chế độ nghỉ ngơi, làm việc với thời gian hợp lý, các chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng chăm sóc sức khỏe cho công nhân.

5. Biện pháp phòng ngừa sự cố dịch bệnh, an toàn thực phẩm

- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan

truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...

6. Biện pháp phòng ngừa sự cố với hố lắng

- Định kỳ nạo vét các hố lắng để đảm bảo công năng của hố lắng.
- Sau mỗi mùa mưa bão, tiến hành nạo vét, gia cố lại các hố lắng.
- Kiểm tra các biển báo xung quanh các hố lắng để cảnh báo người dân.

7. Biện pháp phòng ngừa sự cố tại trạm xịt, rửa xe tự động

- Dự phòng máy móc thiết bị của trạm xịt, rửa để thay thế kịp thời trong trường hợp xảy ra hư hỏng máy móc thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của trạm xịt, rửa xe tự động.
- Trường hợp sự cố xảy ra, Chủ dự án sẽ bố trí tạm thời trạm xịt, rửa thủ công bằng cách sử dụng xe bồn phun xịt, song song đó Chủ dự án thực hiện thay thế máy móc thiết bị hư hỏng.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 115/GPMT-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025
của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

- Chủ dự án sẽ tiến hành trồng cây keo lai xen dày với mật độ 5.000 cây/ha xung quanh ranh giới tạo vành đai cây xanh chống bụi, chống ồn trong quá trình khai thác.

- Sau khi kết thúc khu khai thác, Chủ dự án tiến hành cải tạo khu khai thác thành hồ chứa nước cho khu vực, công tác cải tạo bao gồm:

+ Xây trụ, cột bê tông, dựng hàng rào dây thép gai xung quanh khai trường đảm bảo an toàn cho người và gia súc qua lại.

+ Chôn biển báo nguy hiểm.

- Tháo dỡ trạm xịt, bể lắng cạnh trạm xịt.

Chủ dự án sử dụng đất tại vành đai bảo vệ mỏ, phần đất từ quá trình nạo vét hồ lắng để san lấp hồ lắng, mương thoát nước. Còn mương thu gom nước sau khi kết thúc khai thác đều nằm ở khu vực có cosd thấp nhất +9,5m là khu vực tạo thành hồ nước nên không cần phải tiến hành san lấp.

Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường sẽ bàn giao mặt bằng lại cho địa phương. Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo bảng sau:

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Cải tạo tại khu vực khai trường			Thời gian thực hiện 06 tháng sau khi kết thúc khai thác
1.1	Trồng cây	ha	0,2369	
1.2	Làm hàng rào bảo vệ			
-	Làm hàng rào thép gai	m ²	1.559,52	
-	Đào xúc đất hồ móng	m ³	38,304	
-	Đổ cột bê tông cốt thép (0,1x0,1x2) m	m ³	6,84	
-	Lắp dựng cột hàng rào	cột	342	
-	Vận chuyển các trụ bê tông trong phạm vi <2km	10 tấn/1km	17,1	
-	Đổ bê tông móng cột	m ³	36,594	
1.3	Lắp dựng biển báo	biển	22	
1.4	Tháo dỡ Trạm xịt rửa xe tự động, bể lắng 03 ngăn			
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	tấn	0,212	

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
-	Phá dỡ nền - nền bê tông, không cốt thép	m ³	12	
-	Phá dỡ móng bê tông, có cốt thép	m ³	10	
-	Phá dỡ tường gạch	m ³	10,02	
-	Phá dỡ nền - nền bê tông, có cốt thép	m ³	1,44	
-	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	m ³	132,96	
-	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn - Cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤1km	m ³	132,96	
-	San đất bằng máy ủi 110CV	m ³	132,96	
-	Vận chuyển phế liệu đến moong khai thác với khoảng cách khoảng 100m	m ³	33,46	
1.5	San lấp hồ lã, mương thoát nước			
-	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất III	m ³	1.001	
-	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn - Cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤1km	m ³	1.001	
-	San đất bằng máy ủi 110CV	m ³	1.001	
II	Duy tu bảo dưỡng tuyến đường	m	150	
III	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	ha	4,41	

2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: 562.887.000 đồng.

- Phương thức ký quỹ:

- Căn cứ điểm b, khoản 5, Điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, với thời gian khai thác đối với Dự án khai thác trong 12 năm, số tiền ký quỹ lần đầu bằng 20% tổng số tiền phải ký quỹ: $A_1 = 112.577.400$ đồng.

- Số tiền ký quỹ mỗi lần còn lại:

$$A_i = (A - A_1) / (12 - 1) = 40.937.236 \text{ đồng.}$$

- Đến nay, Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ lần đầu. Việc ký quỹ lần thứ hai được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Huế.

- Địa chỉ: tầng 3, tòa nhà A, số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

- Điện thoại: (0234)-3.938 085.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH Quý Hưng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.